TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2024/DS-ST
Ngày: 19/01/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cửu Long;

2. Ông Phạm Văn Phước.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1127/2023/TLST-DS ngày 03/10/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 7518/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 8026/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: 266-268 đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984; Địa chỉ thường trú: 68/26 đường B, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh – (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Bích Q, sinh năm 1977 – (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Căn hộ A07.04 tầng 7, Block A chung cư H, số 37 đường N, phường T, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 104 đường T, phường A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện cho rằng: Ngày 09/9/2008, bà Lê Bích Q có ký với Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dung kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Parkson, số thẻ 464932-3618 với hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau một thời gian sử dụng, đến ngày 08/3/2011 bà Lê Bích Q có đăng ký sử dụng thêm thẻ tín dụng Visa Citimart, số thẻ 436361-7843, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng cùng chung mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Lê Bích Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 131.515.884 đồng (gồm thẻ 464932-3618 giao dịch số tiền là 125.991.983 đồng, thẻ 436361-7843 giao dịch số tiền là 5.523.901 đồng), Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (căn cứ theo quy định tại Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dung thẻ tín dung của Ngân hàng), bà Lê Bích Q phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiên phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Lê Bích Q đã thanh toán cho Ngân hàng cụ thể như sau:

+ Thẻ tín dụng Visa Parkson có số thẻ 464932-3618 đã thanh toán tiền phí, phí vượt hạn mức, phí trễ hạn là 5.574.844 đồng, tiền lãi trong hạn là 11.663.408 đồng và tiền nợ gốc là 110.620.085 đồng. Số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 15.371.898 đồng;

+ Thẻ tín dụng Visa Citimart có số thẻ 436361-7843 đã thanh toán tiền phí, phí vượt hạn mức, phí trễ hạn là 839.500 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.170.656 đồng và tiền nợ gốc là 1.159.844 đồng. Số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 4.364.057 đồng;

Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước;
+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ;
+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Lê Bích Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Lê Bích Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán (áp dụng theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/04/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo thỏa thuận tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều

kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 19.735.955 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá han là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng lại thời điểm hiện tai. Do bà Lê Bích Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bà Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cụ thể:

+ Buộc bà Lê Bích Q phải trả ngay cho Ngân hàng A tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 19/01/2024 là 111.080.856 đồng (trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 19.735.955 đồng và lãi quá hạn là 91.344.901 đồng).

+ Buộc bà Lê Bích Q phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/01/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

(2) Bị đơn bà Lê Bích Q không hợp tác khi được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện, bà Q liên tục vắng mặt không có lý do, khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai: Bị đơn bà Lê Bích Q vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đức Thắng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án chấp nhận. Bị đơn bà Lê Bích Q vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa Ngân hàng A với bà Lê Bích Q phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện bà Lê Bích Q có đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Thủ Đức và thực tế đang cư trú tại địa chỉ: 104 đường Trần Não, phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội

đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lê Bích Q tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét thấy, Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dung kiêm hợp đồng ký ngày 09/9/2008 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, thỏa thuận sử dụng thẻ ký ngày 08/3/2011 - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) giữa bà Lê Bích Q với Ngân hàng A là hoàn toàn tự nguyện, được lập bằng văn bản có chữ ký của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 91 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ Hợp đồng đã giao kết giữa các bên, sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở xác định, bà Lê Bích Q được Ngân hàng A cấp 02 thẻ tín dụng gồm, loại thẻ tín dụng Visa Parkson có số thẻ 464932-3618 với hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng và loại thẻ Visa Citimart có số thẻ 436361-7843, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng cùng chung mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân.

Bà Lê Bích Q đã thực hiện các giao dịch của thẻ tín dụng Visa Parkson 464932-3618 với tổng số tiền ghi nợ là 125.991.983 đồng, đã thanh toán tiền phí, phí vượt hạn mức, phí trễ hạn là 5.574.844 đồng, tiền lãi trong hạn là 11.663.408 đồng và tiền nợ gốc là 110.620.085 đồng, còn nợ lại số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 15.371.898 đồng.

Đối với thẻ tín dụng Visa Citimart có số thẻ 436361-7843 bà Q đã thực hiện các giao dịch với số tiền ghi nợ là 5.523.901 đồng, bà Q đã thanh toán tiền phí, phí vượt hạn mức, phí trễ hạn là 839.500 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.170.656 đồng và tiền nợ gốc là 1.159.844 đồng, số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 4.364.057 đồng;

Như vậy, tổng số tiền còn nợ của hai thẻ tín dụng cấp cho bà Q sử dụng là 19.735.955 đồng. Căn cứ theo thỏa thuận giữa các bên tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 01/4/2012 Ngân hàng A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ là 19.735.955 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá han là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng lại thời điểm hiện tai (thời điểm vi phạm), theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Trung tâm thẻ Ngân hàng A về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng Quốc tế SacomBank.

Xét thấy, Ngân hàng A đã chuyển khoản nợ của các thẻ tín dụng đã cấp cho bà Lê Bích Q sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên theo Hợp đồng và phù hợp với

quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010. Tính đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 19/01/2024), bà Lê Bích Q còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 111.080.856 đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 19.735.955 đồng và nợ lãi quá hạn là 91.344.901 đồng. Xét thấy, bị đơn bà Lê Bích Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên vay, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bên cho vay là Ngân hàng A. Do vậy, yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày tiếp theo ngày Tòa án mở phiên phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 20/01/2024) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên trong các hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Bích Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95, 96 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 357, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bà Lê Bích Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A tổng số tiền còn nợ là 111.080.856 đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc: 19.735.955 đồng và nợ lãi quá hạn là 91.344.901 đồng.

- Kể từ ngày 20/01/2024, bà Lê Bích Q còn phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi quá hạn phát sinh tương ứng với số dư nợ gốc chưa thanh toán của khoản vay, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dung kiêm hợp đồng ký ngày 09/9/2008 và bản Điều

khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, thỏa thuận sử dụng thẻ ký ngày 08/3/2011), cho đến khi bà Lê Bích Q thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng A.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 5.554.043 đồng, buộc bà Lê Bích Q phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 2.573.348 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0013216 ngày 27/4/2023 của Chi cục thi hành an dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND. TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Thiên